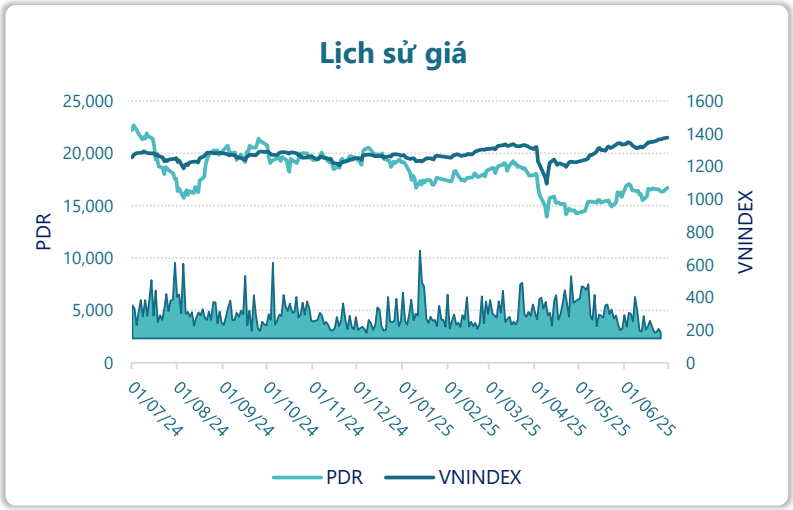
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,685
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,935
SL cổ phiếu LH	907,235,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,506,365
% sở hữu nước ngoài	9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,376
P/E	30.6
EPS	591

DT thuần

Q2/25

19.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼418| -95.5%

YoY: ▲ 11.6| 141%

LN sau thuế

Q2/25

64.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.3| 28.3%

YoY: ▲ 15.1| 30.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

818%

+/- YoY: ▼ 1122%

DT thuần

6T 2025

458

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 288| 169%

LN sau thuế

6T 2025

116

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0| 12.8%

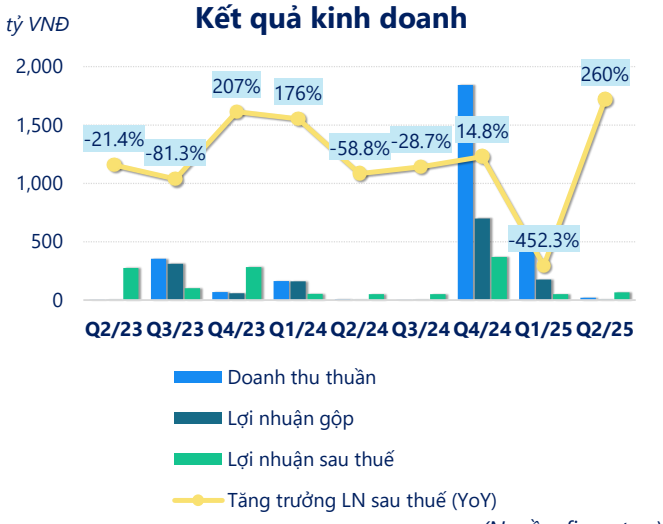
ROE

Q2/25

4.7%

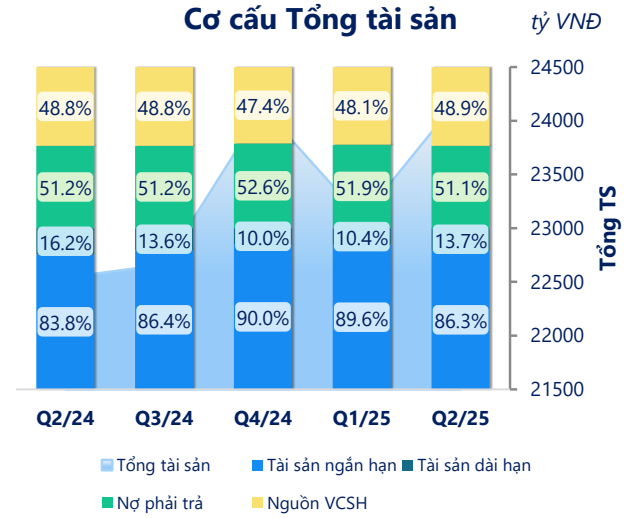
+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh



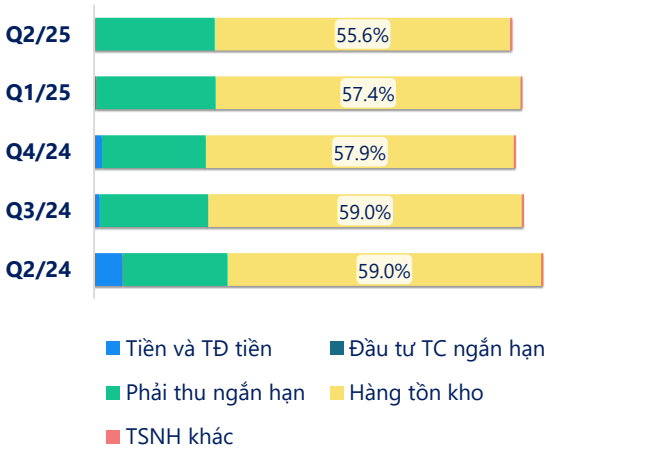
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



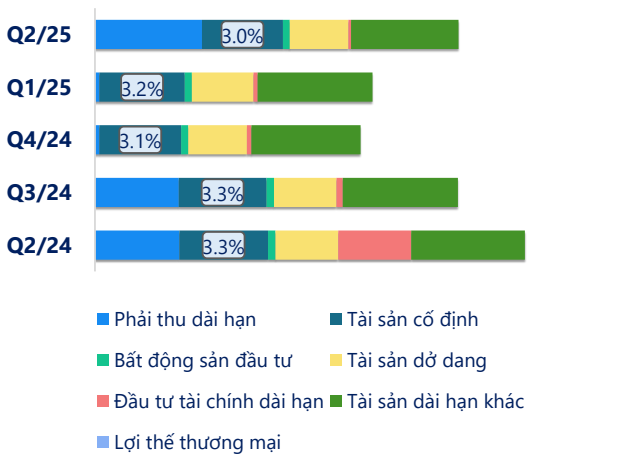
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



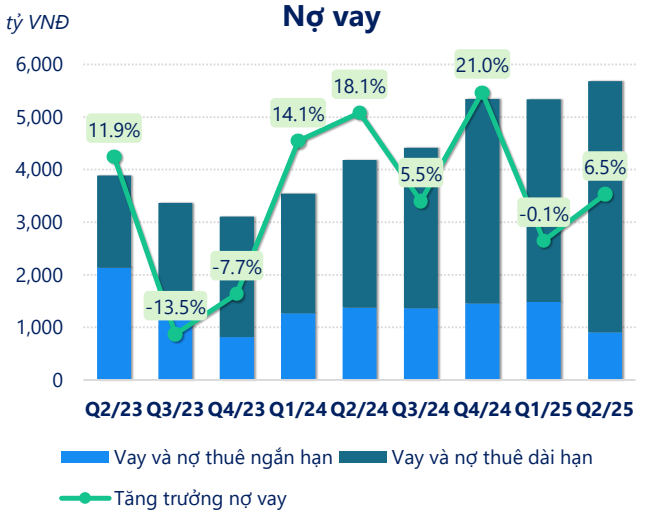
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



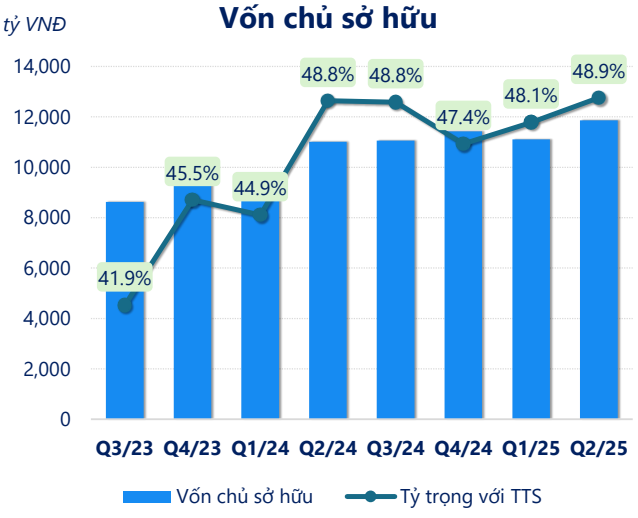
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



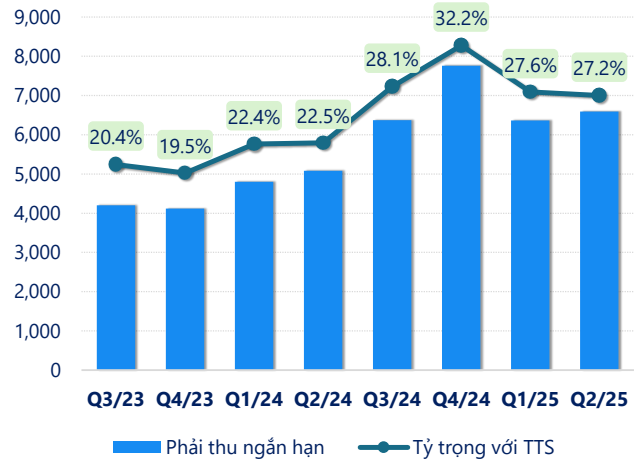
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



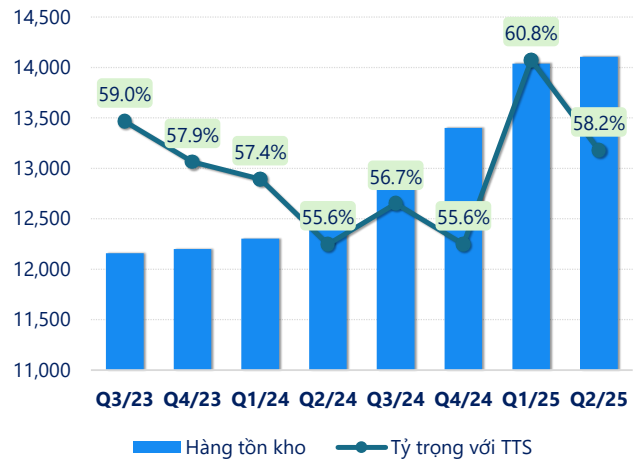
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



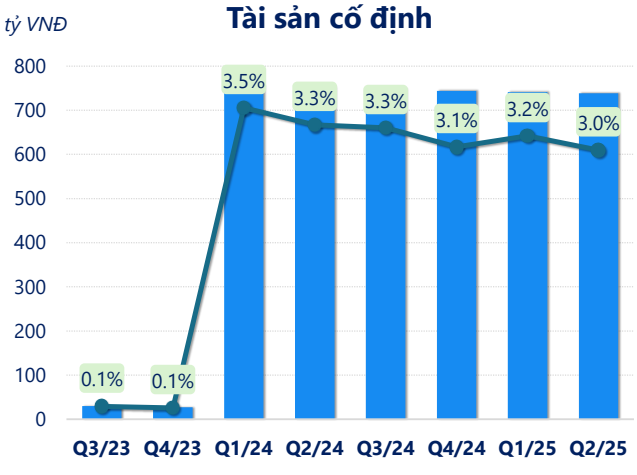
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



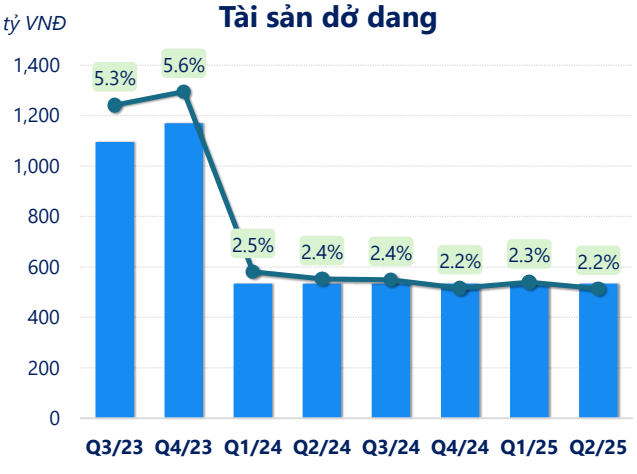
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



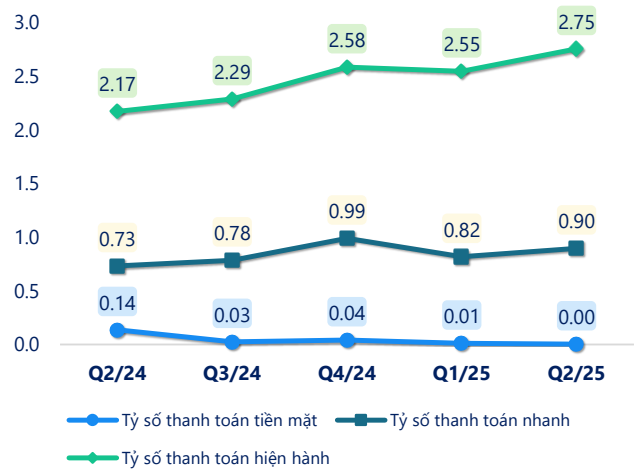
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



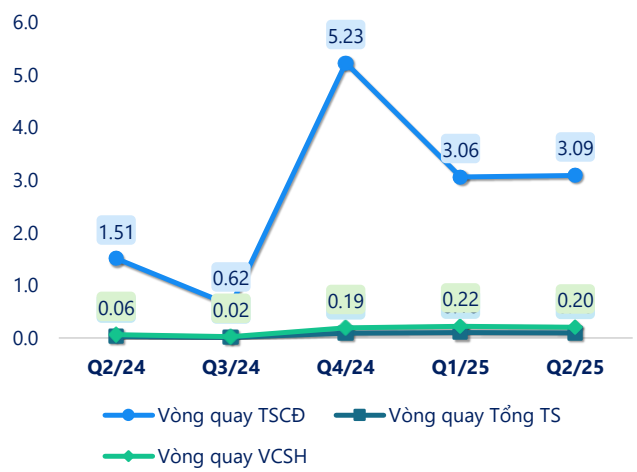
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**22,539**	**22,663**	**24,116**	**23,094**	**24,226**
Tài sản ngắn hạn	**18,894**	**19,571**	**21,706**	**20,683**	**20,913**
Tiền và tương đương tiền	1,190	221	344	84.0	25.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.4	15.4	115	100	100
Phải thu ngắn hạn	5,079	6,370	7,762	6,367	6,594
Hàng tồn kho	12,524	12,854	13,400	14,038	14,106
Tài sản ngắn hạn khác	85.1	111	84.6	94.9	88.4
Tài sản dài hạn	**3,645**	**3,093**	**2,410**	**2,411**	**3,313**
Phải thu dài hạn	714	714	38.7	38.7	975
Tài sản cố định	752	748	744	741	738
Bất động sản đầu tư	64.0	63.6	63.2	62.9	62.5
Tài sản dở dang	533	533	533	533	533
Đầu tư tài chính dài hạn	617	53.1	38.0	35.9	23.6
Tài sản dài hạn khác	964	980	993	999	980
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**11,533**	**11,606**	**12,693**	**11,986**	**12,371**
Nợ ngắn hạn	**8,701**	**8,558**	**8,400**	**8,126**	**7,593**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,373	1,366	1,455	1,481	904
Phải trả người bán ngắn hạn	208	182	198	182	143
Nợ dài hạn	2,831	3,049	4,293	3,860	4,778
Vay và nợ thuê dài hạn	2,810	3,049	3,889	3,856	4,778
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,006**	**11,057**	**11,424**	**11,108**	**11,856**
Vốn chủ sở hữu	**11,006**	**11,057**	**11,424**	**11,108**	**11,856**
Vốn điều lệ	8,731	8,731	8,731	8,731	9,072
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)